

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2017/DS-ST.

Ngày: 15-9-2017.

V/v “*Tranh chấp nợ hụi*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Ngô Trung Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về “*Tranh chấp nợ hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Hồng Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp HN, xã HD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu phố A, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Hồng Th trình bày:

Bà có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ. Khi bà H tuyên bố vỡ hụi thì giữa hai bên có tiến hành đối chiếu, bà H có ký tên vào “*Giấy xác nhận*” lập ngày 24/01/2017. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hụi là 107.100.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Bà H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến cũng như yêu cầu của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Lương Thị Hồng Th và bà Nguyễn Mỹ H có thỏa thuận về việc tham gia hội với nhau, sau khi vỡ hội hai bên phát sinh tranh chấp, do bà H cư trú trên địa bàn thành phố BT nên Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thụ lý giải quyết vụ kiện về “*Tranh chấp nợ hội*” nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Th khởi kiện tranh chấp nợ hội, chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện này là “*Giấy xác nhận*” lập ngày 24/01/2017 do chính bà H ký tên có nội dung “*Chị hội Nguyễn Mỹ H cam kết sẽ thanh toán hết số tiền 107.100.000 đồng cho hội viên Lương Thị Hồng Th vào tháng 01/2017 và sẽ trả hết trong 01 lần*”. Hội đồng xét xử xét thấy văn bản này bà H đã ký tên xác nhận nên có giá trị pháp lý, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ngày 16/6/2017, bà H có ký nhận đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo do bà Th giao và không có ý kiến tự khai, giải trình, phản bác hay yêu cầu gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, có căn cứ để xác định bà H còn nợ tiền hội của bà Th là 107.100.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

[3] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị đơn phải nộp theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là 5.355.000 đồng.

[4] Bà H đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng qui định của bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.
- Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
- Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về “Họ, hội, biểu, phường”
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Hồng Th. Buộc bà Nguyễn Mỹ H phải có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị Hồng Th số tiền 107.100.000 (Một trăm lẻ bảy triệu một trăm ngàn) đồng.

Ghi nhận việc bà Lương Thị Hồng Th không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Mỹ H phải nộp 5.355.000 (Năm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn) đồng.

Bà Lương Thị Hồng Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.678.000 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011306 ngày 24/7/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương